

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/12/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Giờ bay	Người		
1	428	PVD2	7:25	22		22	0	
2	428	PVD2	9:25	22		22	0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/12/2017	TO: PVD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - TRUÔNG - Năm - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI XUÂN THÈM	PVD2	07	1	4	36	84	KHOAN	Vietnamese
2	BUI TRỌNG TOÀN	PVD2	24	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DONG	PVD2	67-68	2	18		71	DVL	Vietnamese
4	VU HOANG TAN	PVD2	69-70	2	15		90	DVL	Vietnamese
5	DUONG THE ĐỨC	PVD2	66	1	9		70	DVL	Vietnamese
6	LA MINH TỬ	PVD2	64	1	12		58	DVL	Vietnamese
7	TRẦN CÔNG CHIẾN	PVD2	65	1	15		75	DVL	Vietnamese
8	DO VAN THAI	PVD2	71	1	16		69	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN VINH KHA	PVD2	97	1	12	24	64	DVL	Vietnamese
10	RICHARD HUGHES	PVD2	35	1	9		80	KHOAN	British
11	CAP VAN SEN	PVD2	27	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
12	ERNEST LAURENCE GLASS JR	PVD2	01	1	10	22	89	KHOAN	American
13	PHAM TAN NHUT	PVD2	30	1	7		102	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH LONG	PVD2	31	1	9		76	KHOAN	Vietnamese
15	BUI KIM DAT	PVD2	29	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VAN KIEU	PVD2	33	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN CHI THANG	PVD2	34	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG VAN CAO	PVD2	63	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN ANH HUNG	PVD2	26	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HUY HOANG	PVD2	25	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN THE DUONG	PVD2	32	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN QUANG TAI	PVD2	28	1	5		79	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	24	212	1.640	82	22		
	TOTAL	22	24	212	1.640	82	22		
	WEIGHT KG			212	1.640	82			

GRAND TOAL: 1.934 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05-Dec-17	TO: PVD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Nam - TRƯỜNG - Năm - Vũ	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN MANH	PVD2	09	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
2	LE QUANG TRUONG	PVD2	12	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
3	MUSTAFA	PVD2	13	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN NGOC KHANH	PVD2	15	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DONG HAI	PVD2	07	1	5	10	58	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG THINH	PVD2	16	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
7	DANG VIET HUNG	PVD2	03	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN KHAC DAO	PVD2	08	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
9	BUI XUAN DIEP	PVD2	05	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
10	DO HOAI NAM	PVD2	06	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN XUAN LONG	PVD2	14	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
12	TONG VAN DAT	PVD2	17	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG HAO HIEP	PVD2	02	1	17		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN DUNG	PVD2	23	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
15	TA NGOC THANH	PVD2	04	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM HONG PHONG	PVD2	01	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUC PHUNG	PVD2	20	1	5		70	DVL	Vietnamese
18	PHAN THIEN SON	PVD2	18-19	2	17		67	DVL	Vietnamese
19	PHAM XUAN HUNG	PVD2	11	1	10		66	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN SY TUAN	PVD2	21	1	10		70	DVL	Vietnamese
21	TRAN VAN MANH	PVD2	10	1	10		67	DVL	Vietnamese
22	PHAM DINH SINH	PVD2	22	1	12		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	23	194	1.526	10	22		
	TOTAL	22	23	194	1.526	10	22		
	WEIGHT KG			194	1.526	10			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/12/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Người	
1		TD2+MRM	7:25	0+0	0+0	0+0	TRANS 1 CARGO TD2 - MRM

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
CHUYEN BAY RIENG MURM. TRẢ TIỀN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08-Dec-17	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:15
FLIGHT: 01	TO: TD2 - MRM	CREW: Văn - TUYỀN - PTUẤN	ETA: 09:25

ROUTE: VT - TD2 - MRM - VT

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - TD2								
1	NIL					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	0	WT:	0	0
SECTOR 2 : VT - MRM								
2	NIL					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	0	WT:	0	0
	TOTAL	0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					

REMARK : CHUYEN 70 KG HANG TU TD2 SANG MRM

PAX.WEIGHT	0
BAG.WEIGHT	0
CARGO WEIGHT	0
TOTAL	0

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX:

2. FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 00:00

FUEL



**АКЦИОНЕРНОЕ ОБЩЕСТВО
«АРКТИКМОРНЕФТЕГАЗРАЗВЕДКА»
(АО «АМНГР»)**

ОГРН: 1115190005567
ИНН/КПП 5190930843/519001001
183039, г. Мурманск, ул. Книповича, д. 33 к. 3
телефон: (815-2) 55-20-00
факс: (815-2) 44-52-57,
E-mail: amngr@amngr.ru

от 12 2017 г. № 15/1568
на № _____ от _____

СП «Вьетсовпетро»

ЦПДС

Начальнику
Чан Нгок Хо
Заместителю начальника
С. Ю. Макарову

ПБикРС

Главному инженеру
Р. Р. Тойбу
Руководителю группы
супервайзеров
Нгуен Хай Чан

Кас.: Доставка грузов на борт СПБУ «Мурманская»

ПБикРС, ЦПДС

Согласен

Синица 07.12.17

Уважаемые коллеги!

Просим организовать **срочную** 08.12.2017 перевозку воздушным транспортом с СПБУ «Tam Dao 02» на СПБУ «Мурманская» следующих грузов.

№	Наименование объектов	Отправленные грузы		Кол. заяв-ния		Заказчик
		№	Наименование груза	мест	тонн	
1	Мурманская	1	Муфта шинно-пневматическая	1шт	0,068т	АМНГР

Оплату гарантируем.

С уважением,

И. о. генерального директора АО «АМНГР»



Главный бухгалтер

[Handwritten signature]

В. Н. Хохлов

[Handwritten signature]

О.Н. Зеленина

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/12/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	410	P2+BK10+P5	7:25	9+13+0	0+0+0		3+8+11	0+0+0	TRANS 2 PAX P2-BK10
2	846	MRM+RP3	7:25	13+9	0+0		7+15	0+0	
3	420	TD3+P4+TTC1	7:25	4+17+1	0+0+0		4+17+1	0+0+0	
4	426	PPD	7:25	22	0		22	0	
5	410	CNV+PPD+MRM	9:25	14+3+5	0+0+0		14+0+8	0+0+0	
6	846	P2+TD1	9:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
7	420	TTC2+P8+P10	9:25	8+2+12	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
8	426	P9+RP1+MRM	9:25	22+0+0	0+0+0		9+1+12	0+0+0	
9	410	P4+P9	11:25	14+8	0+0		9+13	0+0	
10	846	P11+BK15+VSP02	11:25	16+5+1	0+0+0		12+5+4	0+0+0	
11	420	VSP01+BK4+CTK3	11:25	7+13+2	0+0+0		0+12+6	0+0+0	
12	426	TD2+P10+P5	11:25	7+14+1	0+0+0		1+17+4	0+0+0	
13	410	BK3+P2	13:25	14+8	0+0		8+14	0+0	

TTBĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/P2-5 người DH đi về trong ngày ; CLO đi và về qua BK3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2017	TO: P2 - BK10 - P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Luy - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐÀI	P2	49	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
2	SAVELEV	P2	46	1	10		110	D-HANH	Russian
3	NGUYEN QUANG THĂNG	P2					70	D-HANH	Vietnamese
4	PHAN VAN THỊNH	P2	48	1	5	17	70	D-HANH	Vietnamese
5	HOANG VAN TINH	P2	47	1	5	20	75	D-HANH	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC ĐÀI	P2	51-52	2	17		82	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC SƠN	P2	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN ĐÔNG	P2	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NG GIA CUONG	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	84	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TRỌNG LINH	BK10	82	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ XUÂN THUY	BK10	81	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ HỮU LINH	BK10	79-80	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN CÔNG THANH	BK10	85-86	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HỮU TUƠNG	BK10	77	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN KIM CUONG	BK10	88	1	5	70	70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HÙNG	BK10					80	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK10	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN CÔNG TUYẾN	BK10	87	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGÔ HÙNG HẢI	BK10	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN NAM	BK10	78	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH SƠN	BK10	91-92	2	15		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	9	8	52	677	37	3	2	CHUYEN 2 PAX P2 SANG BK10
2	BK10	13	15	79	924	70	8		
3	P5	0	0	0	0	20	11		
TOTAL		22	23	131	1.601	127	22		
WEIGHT KG				131	1.601	127			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06-Dec-17	TO: MRM - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO -	ETA: 09:15
CAM-1		DKHANH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TIKHONOV EVGEHII	MRM	23	1	8	2	102	KHOAN	Russian
2	ĐÀO VIỆT VÂN	MRM	13	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
3	MAI ĐẠI HAI	MRM	09	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC TUÂN	MRM					74	KHOAN	Vietnamese
5	KOTIKOV ALEXEY	MRM					100	KHOAN	Russian
6	TITENKO VITALY	MRM					114	KHOAN	Russian
7	BITSUTIN VLADISLAV	MRM	24-25	2	16		100	KHOAN	Russian
8	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM					69	KHOAN	Russian
9	CHERNYSHEV VALERII	MRM	17	1	11		114	KHOAN	Russian
10	BLOKHINOV ALEXEY	MRM	12	1	10		100	KHOAN	Russian
11	TSVETKOV OLEG	MRM	18-19	2	15		103	KHOAN	Russian
12	MAISHEV VLADIMIR	MRM	08	1	10		100	KHOAN	Russian
13	TARANENKO ALEXEY	MRM	15	1	9		105	KHOAN	Russian
14	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	45-46	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LAM TIEN PHI	RP3	41	1	5		73	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN SEN	RP3	38	1	7		74	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN CHÍNH THỊ	RP3	44	1	5		75	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	42-43	2	16		74	KHI	Vietnamese
19	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	39	1	3		68	KHI	Vietnamese
20	ĐUƠNG HỒNG QUẬN	RP3					75	KHI	Vietnamese
21	PHẠM VĂN LẬP	RP3	37	1	5		56	KHI	Vietnamese
22	PHẠM BÌNH NAM	RP3	40	1	5		63	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	13	11	95	1.224	2	7		
2	RP3	9	10	55	623	0	15		
TOTAL		22	21	150	1.847	2	22		
WEIGHT KG				150	1.847	2			

GRAND TOAL: 1.999 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2017	TO: TD3 - P4 - TTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VẬN - PTUẤN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY NGOC	TD3	34	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC LUONG	TD3	35-36	2	15		71	KH-THAC	Vietnamese
3	LE THANH HAI	TD3	37	1	5	20	69	KH-THAC	Vietnamese
4	HA VAN TRUNG	TD3	38	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
5	HA QUOC VIET	P4	83	1	3		58	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN BACH DUONG	P4	88-89	2	7		70	KHI	Vietnamese
7	BRATCHIK A.C	P4	76	1	8		92	KHI	Russian
8	KOLECHIK A.IO	P4	74	1	9		102	KHI	Russian
9	TRUONG THANH GIAP	P4	80	1	5		74	KHI	Vietnamese
10	TA XUAN HIEU	P4	82	1	5		65	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN DANG TUAN	P4	79	1	5		67	KHI	Vietnamese
12	PHAM MONG THANH	P4	92	1	6		68	KHI	Vietnamese
13	PHAM DUC HIEP	P4	72-73	2	7		78	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VIET NGOC	P4	77	1	5		68	KHI	Vietnamese
15	VU DINH CUONG	P4	78	1	5		79	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN MINH CANG	P4	85	1	4		71	KHI	Vietnamese
17	LE TRUNG LAM	P4	84	1	5		68	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TAI	P4	91	1	3		69	KHI	Vietnamese
19	PHAN DINH NHAM	P4	86	1	3		59	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	81	1	3		78	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN NAM	P4	90	1	3	45	62	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN DINH TRONG	TTC1	10	1	10	30	72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	4	5	43	290	20	4		
2	P4	17	19	86	1.228	45	17		
3	TTC1	1	1	10	72	30	1		
TOTAL		22	25	139	1.590	95	22		
WEIGHT KG				139	1.590	95			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2017	TO: PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LBinh - DUONG - NNam	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TAI	PPD	01	1	10		73	KHI	Vietnamese
2	ĐỖ CHUNG KIEN	PPD	20	1	5		65	KHI	Vietnamese
3	LÊ VĂN LONG	PPD	15	1	5		75	KHI	Vietnamese
4	VŨ THANH BINH	PPD	13	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	PPOLOV D.V	PPD	03	1	6		81	KHI	Russian
6	NGUYỄN CÔNG HIEN	PPD	14	1	5		58	KHI	Vietnamese
7	LÊ MINH PHỤNG	PPD	12	1	10		79	KHI	Vietnamese
8	PHẠM HAI QUANG	PPD	05	1	5		71	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TA	PPD	11	1	4		74	KHI	Vietnamese
10	BUI THANH	PPD	07	1	7		65	KHI	Vietnamese
11	LÊ THANH TUNG	PPD					84	KHI	Vietnamese
12	HOANG MINH HIEU	PPD	02	1	5		65	KHI	Vietnamese
13	LƯƠNG NGỌC THANH	PPD	10	1	5		99	KHI	Vietnamese
14	TRINH CÔNG BINH	PPD	17	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	PHUNG VAN CHINH	PPD	09	1	4		70	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THANH	PPD	08	1	5		60	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HUY SƠN	PPD	06	1	3		74	KHI	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN THÀNH	PPD	04	1	5	110	80	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC HOA	PPD	16	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	LÊ QUANG NINH	PPD					70	KHI	Vietnamese
21	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	19	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD	18	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	20	113	1.579	110	22		
	TOTAL	22	20	113	1.579	110	22		
	WEIGHT KG			113	1.579	110			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2017	TO: CNV - PPD - MRM	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Luy - DTùng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TỬ ANH	CNV	30	1	10		69	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒNG ĐIẾP	CNV	33	1	12		68	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG LINH	CNV	31-32	2	10		73	CODIEN	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	PPD	82	1	8		71	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN BA LINH	PPD	83	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN BA HUNG	PPD	81	1	8		76	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN KIẾN	PPD	79	1	5		70	PSV	Vietnamese
8	BÙI ĐỨC ANH	PPD	80	1	6		67	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THANH	MRM	36	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THUY	MRM	37	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
11	GENNADY DVORYANKIN	MRM	34	1	17		109	KHOAN	Russian
12	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	MRM	39-40	2	15		69	KHOAN	Vietnamese
13	DUƠNG THAI SƠN	MRM	38	1	15		73	KHOAN	Vietnamese
14	SOKOLOV KONSTANTIN	MRM	27	1	10		95	KHOAN	Russian
15	FEYST ALEXANDER	MRM					77	KHOAN	Russian
16	GOIAEV ALEKSEI	MRM	32-33	2	15		91	KHOAN	Russian
17	STEPANOV OLEG ****	MRM	26	1	5		116	KHOAN	Russian
18	BORISOV YURY	MRM	28	1	9		80	KHOAN	Russian
19	BYKOV ARTUR	MRM	31	1	6		112	KHOAN	Russian
20	ZYANGIROV FARIT	MRM	30	1	14		85	KHOAN	Russian
21	CHERNYKH PETR	MRM	29	1	11		91	KHOAN	Russian
22	LENIKOV	MRM	35	1	10		85	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	3	4	32	210	0	0		
2	PPD	5	5	32	354	0	8		
3	MRM	14	15	140	1.232	0	14		
TOTAL		22	24	204	1.796	0	22		
WEIGHT KG				204	1.796	0			

GRAND TOAL: 2.000 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2017	TO: P2 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO -	ETA: 11:15
CAM-1		DKHANH	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	APHANASEV	P2	76	1	7		100	KH-THAC	Russian
2	PHẠM QUỐC HIẾN	P2				50	65	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO VĂN ĐẬU	P2	63	1	6	60	71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	72	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ ANH NGỌC	P2	60	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VĂN THỌ	P2	68	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU PHI	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM TRẦN TUẤN AN	P2	64-65	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN THUAN	P2	71	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ THANH LONG	P2	59	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MINH THÀNH	P2	77	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN SÁCH ĐƠN	P2	70	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ĐÌNH NAM	P2	61	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN KHÁC CĂN	P2	75	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM SY HIỆP	P2	66	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH PHONG	P2	67	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VĂN ĐỘ	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TIẾN HUNG	P2	62	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ HỒNG PHƯƠNG	P2	73	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM THANH KIM	P2	69	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	P2	74	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	77-78	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	21	121	1.532	110	20		
2	TD1	0	0	0	0	45	2		
TOTAL		22	21	121	1.532	155	22		
WEIGHT KG				121	1.532	155			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2017	TO: TTC2 - P8 - P10	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Vận - PTUẤN	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU BA THUAN	TTC2	08	1	16		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TRONG	TTC2	06,400	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG VU	TTC2	07	1	12	50	78	KH-THAC	Vietnamese
4	VU CHI CONG	TTC2	96	1	10	35	55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUONG SINH	TTC2	12	1	10		75	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN ANH	TTC2	09	1	11		64	DVL	Vietnamese
7	PHAM VAN SANG	TTC2	13	1	15		69	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN THIEU BINH	TTC2	10-11	2	16		58	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC HÙNG	P8	52	1	6	30	55	KH-THAC	Vietnamese
10	LE HUY	P8	51	1	13		67	XAYLAP	Vietnamese
11	LE HOAI THANH	P10	0				66	YTE	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC PHÚC	P10	92	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN THẮNG	P10	89-90	2	5		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ĐÌNH HAI	P10	98	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO THANH HA	P10	94	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TAT THANH	P10	86	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐÌNH TU	P10	91	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
18	IVANOV	P10				37	120	KH-THAC	Russian
19	LE NGOC NGUYEN	P10	85	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN MẠNH HÙNG	P10	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THE HANH	P10	93	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TOAN	P10	87	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	8	10	105	546	85	0		
2	P8	2	2	19	122	30	5		
3	P10	12	11	58	846	37	17		
TOTAL		22	23	182	1.514	152	22		
WEIGHT KG				182	1.514	152			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2017	TO: P9 - RP1 - MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LBinh - DUONG - NNam	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASIANKIN	P9	64	1	10		129	KH-THAC	Russian
2	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	P9	70	1	6		68	YTE	Vietnamese
3	CHERNHIAVSKY	P9	65	1	7		113	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	P9	72	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BÀ KÝ	P9					79	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MINH THUY	P9	73	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ VĂN THOẠI	P9	71	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ AN CHUNG	P9	66	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO THIÊN THUẬT	P9	69	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN THỬA	P9					66	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ MINH THUY	P9	63	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9					70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGỌC THANH	P9	61	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HAI	P9	67	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN QUỐC DŨNG	P9	68	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	74	1	2		81	KH-THAC	Vietnamese
17	ZAKHRIN	P9	62	1	5		102	KH-THAC	Russian
18	NGUYỄN VIỆT CUÔNG	P9	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ SY BÌNH	P9	58	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN DŨNG	P9	57	1	5	20	57	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN HÀ	P9	59	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC QUÝ	P9	56	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	19	89	1.644	20	9		
2	RP1	0	0	0	0	25	1		
3	MRM	0	0	0	0	66	12		
TOTAL		22	19	89	1.644	111	22		
WEIGHT KG				89	1.644	111			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2017	TO: P4 - P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hôi - TTrung - Năm - Toan	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TA VAN QUYNH	P4	34	1	15		76	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN THANH NAM	P4	30-31	2	13		62	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN NHAC	P4	22	1	8		72	KHI	Vietnamese
4	TRAN TANG DUONG	P4	24	1	6		53	KHI	Vietnamese
5	TRAN VAN TOAN	P4	26	1	7		72	KHI	Vietnamese
6	ĐẶNG QUỐC VIỆT	P4	29	1	5		65	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN DINH PHU	P4	20	1	15		70	KHI	Vietnamese
8	NGO XUAN NGHIA	P4	20	1	10		62	KHI	Vietnamese
9	LE BA NGOC	P4	25	1	8		61	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VAN MAI	P4	23	1	8		68	KHI	Vietnamese
11	VU ANH ĐỨC	P4	28	1	12		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN NAM LONG	P4	21	1	7		72	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN ĐỨC	P4	32	1	10		69	PSV	Vietnamese
14	LE ĐỨC CƯỜNG	P4	33	1	9		53	PSV	Vietnamese
15	TRAN VAN BANG	P9	53	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN TIEN HIEP	P9	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN TRI	P9	54	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG CÔNG DANH	P9	77	1	10	35	82	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TUNG	P9	78	1	12		70	CODIEN	Vietnamese
20	CHULKOV	P9	76	1	8		77	NIPI	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	14	15	133	925	0	9		
2	P9	6	6	44	416	35	13		
TOTAL		20	21	177	1.341	35	22		
WEIGHT KG				177	1.341	35			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2017	TO: P11 - BK15 - VSP02	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hạnh - HUNG - DKHÁNH	ETA: 13:15
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU LUU	P11	15	1	9	20	60	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VIET DUNG	P11	13	1	5	70	72	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH THANH TAM	P11	02	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN HAI VIET	P11	11	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG SY NGOC	P11	12	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN THUC	P11	01	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NAM	P11	04	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN CAO CHI	P11	08	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CUONG	P11	18-19	2	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUANG QUYEN	P11	03	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG BANG	P11	05-06	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
12	VU XUAN TAM	P11	07	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN CHI HIEU	P11	09-10	2	12		81	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG TAN	P11	20	1	7		62	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HIEU	P11	17	1	3		50	PSV	Vietnamese
16	NGO VAN THANH	P11	14	1	9		72	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG HAI	BK15	14	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN ĐỨC TUNG	BK15	18-19	2	6	30	60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH CONG	BK15	16	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DINH THANG	BK15	17	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VAN PHUONG	BK15	15	1	5		61	PSV	Vietnamese
22	SERGIENKO SERGEY	VSP02	37-38	2	10		68	VSP-02	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	16	19	107	1.133	90	12		
2	BK15	5	6	26	320	30	5		
3	VSP02	1	2	10	68	0	4		
TOTAL		22	27	143	1.521	120	21		
WEIGHT KG				143	1.521	120			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06-Dec-17	TO: VSP01 - BK4 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Vận - KHÁI - PTUẤN	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VIET PHUONG	VSP01	36	1	10		68	PHANTA	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TAM	VSP01	34-35	2	14		45	PHANTA	Vietnamese
3	CAO THANH SAC	VSP01	38-39	2	10		70	PHANTA	Vietnamese
4	PHAN MINH THANH	VSP01	37	1	8	40	62	PHANTA	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TOAN	VSP01	40	1	8		54	PHANTA	Vietnamese
6	CAO VAN DUNG	VSP01	41	1	8		60	PHANTA	Vietnamese
7	NGUYEN CONG PHU	VSP01	42-43	2	20		78	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN DUNG	BK4					70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO DANG DUC	BK4	21	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
10	LE BA TUAN	BK4	19-20	2	17		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN THUY	BK4	08	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TIEN	BK4	07	1	4	40	77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MINH QUANG	BK4	16-17	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN THANH HUNG	BK4	13	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN DANH LUAT	BK4	14	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM MINH GIOI	BK4	15	1	7		68	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG KHAC CUONG	BK4	09	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
18	DOAN XUAN DUONG	BK4	12	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN NGOC QUYET	BK4	10-11	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM XUAN MANH	BK4	18	1	5		66	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN HUU SY	CTK3	21-22	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3				25	60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	7	10	78	437	40	0		
2	BK4	13	15	143	881	40	12		
3	CTK3	2	2	12	125	25	6		01 NGUYEN DINH HAI
TOTAL		22	27	233	1.443	105	18		
WEIGHT KG				233	1.443	105			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2017	TO: TD2 - P10 - P5	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: LBinh - <i>Truong</i> - NNam	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI HUY BANG	TD2	40	1	14		67	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC BAO	TD2	41	1	15		63	DVL	Vietnamese
3	TRAN VAN NGHIA	TD2	37	1	11		83	DVL	Vietnamese
4	VUONG KIEN QUOC	TD2	42	1	6		75	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THANH	TD2	43	1	11		78	DVL	Vietnamese
6	VU VAN NAM	TD2	38	1	10		64	DVL	Vietnamese
7	UDACHIN D.V	TD2	39	1	10		74	DVL	Russian
8	LE CHI HIEU	P10	68	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CUONG	P10	72	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN HUU DUNG	P10	10	1	5	20	83	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC TOAN	P10	71	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	DO TRUONG THINH	P10	69	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	GIANG TRUNG HIEU	P10	01-02	2	10	42	94	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN THUYET	P10	03	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM HIEU LIEM	P10	04-05	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRUONG VAN MINH	P10	70	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN LOI	P10	06-07	2	20		62	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI XUAN THUY	P10	08	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI DUC HAU	P10	99	1	10		55	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN THUA THAI	P10	300	1	7		60	CODIEN	Vietnamese
21	DAO VAN MINH	P10	09	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	7	77	504	0	1		
2	P10	14	17	101	952	62	17		
3	P5	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	24	178	1.456	62	22		
WEIGHT KG				178	1.456	62			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06-Dec-17	TO: BK3 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 13:30
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Hoi - TTrung - Nam - Toan	ETA: 15:11
TRANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI DUONG HIE	BK3	18	1	5		62	NHA THAU	Vietnamese
2	LUU HOANG	BK3	65	1	5		53	NHA THAU	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC THACH	BK3	31	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DUC	BK3	29	1	14		77	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN NGHI	BK3	28	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM THAI SON	BK3	25-26	2	12	20	68	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN DUY KHANH	BK3	27	1	12	25	80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THE ANH	BK3	17	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN PHUOC	BK3	15	1	3	120	72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUC THIEP	BK3	16	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
11	MESKHOV MIKHAIL	BK3	22	1	13		68	DVL	Russian
12	LE VAN THANG	BK3	21	1	12		67	DVL	Vietnamese
13	VU VAN TRUNG	BK3	23-24	2	12		72	DVL	Vietnamese
14	PHAM BA BINH	BK3	19-20	2	10		68	PSV	Vietnamese
15	DAO TRONG HUNG	P2	90	1	5		68	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYEN CONG DINH	P2	91	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HA	P2	87	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
18	VU THE CHUYEN	P2	92	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI MINH TRI	P2	88-89	2	14		82	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG TAI	P2	93	1	7		64	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN ANH	P2	94	1	10		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	14	17	126	947	165	8		
2	P2	7	8	69	502	0	14		
TOTAL		21	25	195	1.449	165	22		
WEIGHT KG				195	1.449	165			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN